

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 28/2023/HS-ST
Ngày 16 - 5 - 2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Như

2. Ông Nguyễn Chí Vương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 25 /2023/HSST ngày 18/4/2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-HS ngày 25/4/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Đức D, sinh năm 1994 tại Hải Dương.

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 07/12.

Nơi cư trú: Tổ 4, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Cha: Phạm Đức N, sinh năm 1967, Mẹ: Nguyễn Thị D1, sinh năm 1974 (đã chết); Vợ: Lê Thị Huyền T, sinh năm 1996 (đã ly hôn); Con: Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2016.

Bị cáo có 03 anh em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không

Ngày 31/12/2022 bị cáo bị khởi tố về tội Trộm cắp tài sản và bắt tạm giam từ ngày 01/01/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Anh Đặng Văn H, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Tổ 3, ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. (có mặt).

2. Ông Võ Ngọc Đ, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: Tổ 5, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. (Có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Trương Anh T, sinh năm 1999

Nơi cư trú: Tổ 9, ấp T, xã T1, huyện B, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án như sau: Khoảng 08 giờ ngày 13/8/2022, D rủ Lê Hữu H (tên thường gọi là Cu Nhóc, sinh năm 2003, nơi thường trú: tổ 5, ấp H, xã T, huyện H) là bạn ở cùng phòng trọ với D đi trộm bò thì H đồng ý. Do không có phương tiện để đi lại nên D gọi điện thoại cho bạn là Trương Anh T, để mượn xe mô tô để làm phương tiện đi lại thì T đồng ý. Sau đó, D một mình đi bộ đi đến nơi T đang làm việc gần nhà trọ D đang ở lấy xe mô tô (kiểu dáng Satria, biển kiểm soát 93G1-249.96) rồi quay lại phòng trọ chờ H đi đến khu vực xã T, huyện H tìm kiếm bò của người dân nhằm chiếm đoạt. Khi D và H đi đến khu vực tổ 4, ấp S, xã T nhìn thấy đàn bò của anh Đặng Văn H đang chăn thả trên bãi đất trống không có người trông coi, xung quanh không có nhà dân sinh sống nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. D và H dựng xe mô tô ở lô cao su phía đối diện, cách vị trí đàn bò khoảng 01 km rồi cùng nhau đi bộ đến vị trí cách đàn bò khoảng 500m ngồi quan sát chờ thời cơ chiếm đoạt. Khoảng 17 giờ cùng ngày, T gọi điện thoại cho D yêu cầu trả xe mô tô nên D nói H chạy xe mô tô của T về phường M, thị xã C trả cho T, sau đó H nhờ T chở quay ngược trở lại xã T để cùng D tiếp tục quan sát đàn bò, còn T về lại nhà trọ thuộc xã M, huyện C (T không biết H và D ở xã T nhằm mục đích trộm cắp tài sản). Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, H và D tiếp cận 02 con bò có dây thừng xoắn mũi đang được cột vào hai gốc cây rừng, mỗi người tháo dây thừng một con, rồi dắt 02 con bò đi xuyên qua các lô cao su thuộc Nông trường cao su X, tại tổ 1, ấp Tr, xã Ph, huyện H thì cột 02 con bò vào gốc cây cao su rồi cùng nhau ngủ tại lô cao su. Đến khoảng 06 giờ sáng ngày 14/8/2022, D đăng nhập mạng xã hội Facebook để tìm nơi bán bò, thấy bài đăng tìm mua bò của anh Nguyễn Chí Th, kèm theo số điện thoại 0338.092.029 nên D đã gọi điện thoại cho anh Th nhưng anh Th không nghe máy. D và H tiếp tục ngồi ở lô cao su cạnh 02 con bò đến 14 giờ 20 phút cùng ngày D gọi điện thoại rồi gửi vị trí qua ứng dụng Zalo cho T nhờ T đến chở D và H về xã M, huyện C. Khi gặp D và H, T có hỏi D “ở đây làm gì”, D trả lời là “làm việc phụ giúp cho gia đình”.

Đến khoảng 14 giờ 00 ngày 15/8/2022, D tiếp tục gọi lại cho anh Th để liên hệ bán bò, anh Th yêu cầu D chở bò xuống nhà của anh Th tại tổ 4, ấp 3, xã M, huyện C. Sau đó, D gọi điện thoại cho T nói: “mày chở tao đi kiểm xe ba gác để

chở bò ba mẹ tao cho đi bán”, T đồng ý. T chở D đi đến khu vực chợ T, huyện H. Tại đây, T và D thuê xe ba gác biển số 93C1-061.89 của anh Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1975, nơi thường trú: tổ 6, khu phố 3, thị trấn T, huyện H đang đậu trên lề đường để chở bò đi bán với giá 500.000 đồng, lộ trình đi từ xã Ph, huyện H đến xã M, huyện C. Sau đó, T điều khiển xe theo sự chỉ dẫn của D chở D đi trước dẫn đường, còn anh Q điều khiển xe ba gác đi theo phía sau. Khi đến địa điểm D và H cất giấu 02 con bò trước đó, D nói T và anh Q dừng xe, đứng ở phía ngoài đường đợi, còn D một mình đi vào bên trong lô cao su dất 02 con bò ra, đưa bò lên xe ba gác rồi cùng nhau đi đến xã M, huyện C gặp anh Th để bán. Trên đường đi, D nói T “khi nào tới nhà ông mua bò mày đứng ra bán giùm tao nha” và hứa hẹn sẽ cho T mượn 3.000.000 đồng sau khi bán được bò.

Khoảng 17h30 cùng ngày, D, T và anh Q đến nhà của anh Th. Do được D nhờ đứng ra bán giúp bò nên T đã trực tiếp đứng ra trao đổi, giao dịch với anh Th. Anh Th xem bò rồi trả giá 20.000.000 đồng, T thấy trả giá thấp nên nói lại với D nhưng D vẫn đồng ý bán 02 con bò với giá 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh Th thấy D và T có nhiều biểu hiện nghi vấn nên đã giả vờ nghe một cuộc điện thoại gọi đến với nội dung có người bị mất 02 con bò giống với 02 con bò mà D và T đem bán. Nghe vậy, T hỏi lại D: “Phải bò của mày không”, D trả lời: “Phải, bán đi”. Tuy nhiên, T nghĩ là bò do D trộm cắp mà có nên không đồng ý bán giùm cho D nữa và bỏ về nhà, D sau đó cũng đã bỏ trốn. Sau đó anh Th và anh Q gọi điện báo cho Công an xã M, huyện C đến xử lý.

Sau khi về đến phòng trọ tại xã M, huyện C, T gọi điện thoại cho anh Trần Đồi Đại Đ, sinh năm 1994, nơi thường trú: tổ 11, ấp Th, xã T, thị xã B là chủ công ty nơi T làm thuê kể lại sự việc. Anh Đ hướng dẫn T đến Cơ quan Công an trình báo nên T đã rủ bạn ở cùng phòng trọ là Trần Hoàng C, sinh năm 2003, nơi thường trú: ấp Tân D, xã T1, huyện B cùng đi đến Công an xã M trình báo, tuy nhiên trên đường đi C đã rủ T quay lại nhà anh Th để xác nhận lại sự việc rồi trình báo sau, khi C chở T quay lại nhà Th thì bị lực lượng Công an đưa về trụ sở làm việc.

Đối với Phạm Đức D, sau khi trộm cắp 02 con bò mang đi bán bị anh Th phát hiện, D đã bỏ trốn đến sinh sống và làm thuê tại Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, đến ngày 30/12/2022 D về xã T, huyện H. Đến khoảng 01h00 ngày 31/12/2022, D tiếp tục chiếm đoạt 01 xe mô tô không có biển số, nhãn hiệu Lifan, kiểu dáng Dream của anh Võ Ngọc Đ, tại lô số 205 Nông trường L thuộc ấp H, xã T, huyện H thì bị quần chúng nhân dân và lực lượng Công an phát hiện, bắt giữ, đưa về trụ sở làm việc.

Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện H, Phạm Đức D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Căn cứ Kết luận D giá số 39/KL-HĐĐGTTTHS ngày 6/9/2022 của Hội đồng ĐGTSTTHS huyện H kết luận: 02 (hai) con bò cái, trong đó 01 con bò cái

có lông màu vàng sẫm, 01 con bò cái có lông màu vàng – trắng sữa có tổng trọng lượng 520 kg tại thời điểm bị trộm cắp là 78.000.000 đồng (bảy mươi tám triệu đồng).

Căn cứ Kết luận D giá số 06/KL-HĐĐGTTTHS ngày 10/02/2023 của Hội đồng ĐGTSTTHS huyện H kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Lifan, kiểu dáng Dream, tại thời điểm bị trộm cắp là 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng).

Về việc thu giữ vật chứng của vụ án:

+ 02 (hai) con bò cái, trong đó 01 con bò cái lông màu vàng sẫm, 01 con bò cái lông màu vàng - trắng sữa có tổng trọng lượng 520 kg.

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, kiểu dáng Satria, màu: xanh – đen, BKS: 93G1–249.96.

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Lifan, kiểu dáng Dream, số máy: 1P50FMG-310729576, số khung: HI100208029576.

+ 01 (một) ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung Galaxy M02, màu đen, màn hình bị vỡ.

+ 01 (một) thẻ sim có chữ Itelecom, số IMEI: 08715027294. Tại thời điểm tạm giữ có số điện thoại: 0877.730.074

+ 01 (một) thẻ sim có chữ mobifone, số IMEI: 8401210851322854. Tại thời điểm tạm giữ có số điện thoại: 0798.185.994

- Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 02 (hai) con bò: Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của anh Đặng Văn H nên Công an xã T đã trao trả cho anh H theo quy định.

+ Đối với xe mô tô biển số 93G1–249.96: Quá trình điều tra xác định, đây là tài sản hợp pháp của Trương Anh T, không liên quan đến vụ án. Căn cứ điểm b, khoản 3, Điều 106 BLTTHS, Cơ quan điều tra trả xe mô tô trên cho Trương Anh T theo quy định.

+ Đối với xe mô tô không biển số, nhãn hiệu Lifan, kiểu dáng Dream: Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của anh Võ Ngọc Đ, Cơ quan CSĐT Công an huyện H trả xe mô tô trên cho anh Võ Ngọc Đ theo quy định.

- Tại bản Cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 18 tháng 4 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố Phạm Đức D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo không tranh luận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ nguyên truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Đức D mức hình phạt từ 30 (ba mươi) tháng đến 34 (ba mươi tư) tháng tù.

- Đề nghị xử lý vật chứng:

Đối với 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung Galaxy M02, màu đen, màn hình bị vỡ; bên trong có gắn 02 sim điện thoại. Đây là công cụ để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị Tòa án tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

(Các vật chứng khác, Cơ quan cảnh sát Điều tra và Công an xã T, huyện H đã xử lý đúng quy D nên đề nghị không tiếp tục xử lý).

- Về vấn đề dân sự: Các bị hại Đặng Văn H và Võ Ngọc Đ đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập.

NHẬN D CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo và những người tham gia tố tụng. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ý kiến, khiếu nại gì nên hợp pháp. Bị hại Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình điều tra, truy tố bị hại Đ đã cung cấp lời khai phù hợp với nội dung vụ án; tài sản bị chiếm đoạt bị hại đã nhận lại và bị hại không yêu cầu gì thêm nên việc vắng mặt bị hại tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có trình bày phù hợp với tình tiết của vụ án và các tài liệu, chứng cứ nên việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án mà vắng bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Tại phiên tòa lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, đánh giá tại phiên tòa, được xác định như sau:

Do không có việc làm ổn định, không có tiền tiêu xài cá nhân nên Phạm Đức D và Lê Hữu H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Ngày 13/8/2022, D và H đến bãi đất trống thuộc tổ 4, ấp S, xã T, huyện H, cùng nhau lén lút chiếm đoạt 02 con bò cái có tổng trọng lượng 520kg của anh Đặng Văn H. Qua định giá xác định giá trị 02 con bò là 78.000.000 đồng. D sau khi trộm cắp bò của anh H đã bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 31/12/2022 D tiếp tục lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Lifan, kiểu dáng Dream trị giá 500.000 đồng của anh Võ Ngọc Đ thì bị lực lượng Công an bắt giữ.

Đối với Lê Hữu H: Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm số 06/QĐ-TT ngày 17/01/2023. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa làm việc được với H nên Cơ quan điều tra tiếp tục truy tìm đối với Lê Hữu H. Khi nào truy tìm được sẽ xử lý sau.

Tổng giá trị tài sản Phạm Đức D chiếm đoạt của Đặng Văn H và Võ Ngọc Đ là 78.500.000 đồng.

Phạm Đức D là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ nên hành vi trên của Phạm Đức D đã đủ yếu cấu thành tội tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất an ninh trật tự tại địa phương, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ lén lút chiếm đoạt tài sản là 02 con bò và xe Mô tô có giá trị 78.500.000 đồng của các bị hại là hành vi bị pháp luật cấm nhưng chỉ vì cần tiền tiêu xài cá nhân, lười lao động nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Sau khi trộm 02 con bò của anh H mang đi bán, bị phát hiện nên bị cáo bỏ trốn nhưng sau đó bị cáo lại quay về địa phương bị cáo lại tiếp tục trộm xe mô tô của anh Đ, thể hiện sự xem thường pháp luật của bị cáo, lười lao động nhưng muốn có tiền nhanh chóng để tiêu xài nên cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc; cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội sau này.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, được các bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5]. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Cần xem xét tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung Galaxy M02, màu đen, màn hình bị vỡ; bên trong có gắn 02 sim điện thoại. Đây là công cụ để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

Các vật chứng khác, Cơ quan cảnh sát Điều tra – Công an huyện H và Công an xã T, huyện H đã xử lý đúng quy định nên không tiếp tục xử lý.

[6]. Về vấn đề dân sự: Các bị hại Đặng Văn H và Võ Ngọc Đ đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên không yêu cầu bồi thường gì thêm.

[7]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8]. Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của Viện kiểm sát tại cáo trạng và tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Phạm Đức D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Đức D mức án 02 (hai) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tính tù từ ngày bắt tạm giam, ngày 01/01/2023.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung Galaxy M02, màu đen, màn hình bị vỡ; bên trong có gắn 02 sim điện thoại: 01 (một) thẻ sim có chữ Itelecom, số IMEI: 08715027294; 01 (một) thẻ sim có chữ mobifone, số IMEI: 8401210851322854. Đây là công cụ để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

(Các vật chứng được thể hiện như mô tả tại Quyết định chuyển vật chứng số 21/QĐ-VKS ngày 18/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H và Biên bản về việc giao, nhận vật chứng, tài sản số 0005903 ngày 15/5/2023 giữa Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước).

Các vật chứng khác đã được Cơ quan cảnh sát Điều tra - Công an huyện H và Công an xã T, huyện H xử lý đúng quy định nên không tiếp tục xem xét.

4. Về vấn đề dân sự: Các bị hại Đặng Văn H và Võ Ngọc Đ đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Đức D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Phòng HSNC CA tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Công an huyện H;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Lưu: TA, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đình Học